

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ NHƠN TRẠCH 2
(Thành lập tại nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO KỶ HOẠT ĐỘNG TỪ NGÀY 01 THÁNG 01 NĂM 2013 ĐẾN NGÀY 30 THÁNG 9 NĂM 2013

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	2- 3
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	4
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	5 - 6
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	7 - 22

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 30 tháng 9 năm 2013

MẪU B 01-DN
 Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/9/2013	31/12/2012
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		1.918.141.842.261	2.079.395.454.660
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		66.649.446.442	51.718.618.432
1. Tiền	111	5	66.649.446.442	51.718.618.432
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		691.084.012.236	494.830.189.800
1. Đầu tư ngắn hạn	121	6	691.084.012.236	494.830.189.800
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		913.180.139.229	1.336.929.972.359
1. Phải thu khách hàng	131	7	19.040.805.215	-
2. Trả trước cho người bán	132		30.180.358.827	10.927.197.129
3. Các khoản phải thu khác	135	8	883.145.635.881	1.335.786.084.080
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	8	(19.186.660.694)	(9.783.308.850)
IV. Hàng tồn kho	140		218.613.089.592	184.895.064.642
1. Hàng tồn kho	141	9	218.613.089.592	184.895.064.642
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		28.615.154.762	11.021.609.427
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		28.445.177.265	-
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		12.237.497	10.855.109.427
3. Tài sản ngắn hạn khác	158		157.740.000	166.500.000
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+250+260)	200		10.474.289.884.572	11.406.653.801.460
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		38.782.753.000	38.782.753.000
1. Phải thu dài hạn khác	218	10	38.782.753.000	38.782.753.000
II. Tài sản cố định	220		9.377.670.097.099	10.119.388.803.399
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	9.356.067.542.553	10.071.352.606.612
- Nguyên giá	222		11.290.237.217.613	11.269.710.246.911
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.934.169.675.060)	(1.198.357.640.299)
2. Tài sản cố định vô hình	227	12	21.602.554.546	-
- Nguyên giá	228		21.602.554.546	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	13	-	48.036.196.787
III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1. Đầu tư dài hạn khác	258	14	11.140.000.000	11.140.000.000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(11.140.000.000)	(11.140.000.000)
IV. Tài sản dài hạn khác	260		1.057.837.034.473	1.248.482.245.061
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	15	1.057.837.034.473	1.248.482.245.061
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		12.392.431.726.833	13.486.049.256.120

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 22 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
Tại ngày 30 tháng 9 năm 2013

MẪU B-01-DN
Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/9/2013		31/12/2012	
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		9.700.876.896.506		10.703.598.842.617	
I. Nợ ngắn hạn	310		1.912.947.955.047		2.530.331.354.922	
1. Vay ngắn hạn	311	16	1.148.855.510.242		1.167.641.326.901	
2. Phải trả người bán	312		29.277.717.944		355.272.478.546	
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	17	10.229.764.133		1.720.928.217	
4. Phải trả người lao động	315		8.209.145.122		12.675.270.379	
5. Chi phí phải trả	316	18	672.167.733.460		950.243.089.747	
6. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	19	39.784.796.366		39.835.947.043	
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		4.423.287.780		2.942.314.089	
II. Nợ dài hạn	330		7.787.928.941.459		8.173.267.487.695	
1. Vay dài hạn	334	20	7.783.282.008.266		8.168.620.554.502	
2. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		4.646.933.193		4.646.933.193	
B. NGUỒN VỐN	400		2.691.554.830.327		2.782.450.413.503	
I. Vốn chủ sở hữu	410	21	2.691.554.830.327		2.782.450.413.503	
1. Vốn điều lệ	411		2.560.000.000.000		2.560.000.000.000	
2. Vốn khác của chủ sở hữu	413		169.237.381.136		163.455.502.290	
3. Quỹ đầu tư phát triển	417		20.439.881.905		20.055.769.998	
4. Lợi nhuận chưa phân phối	420		(58.122.432.714)		38.939.141.215	
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		12.392.431.726.833		13.486.049.256.120	

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	Thuyết minh	30/9/2013		31/12/2012	
Ngoại tệ các loại					
- USD			2.529,52		3.210,85
- EUR			36,33		205,31



Lê Văn Tú
Người lập biểu
Ngày 11 tháng 10 năm 2013



Nguyễn Hữu Minh
Kế toán trưởng



Hoàng Xuân Quốc
Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 9 năm 2013

MẪU B 02-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 1/1/2013 đến 30/9/2013	Từ 1/1/2012 đến 30/9/2012
1. Doanh thu về bán hàng	01		4.290.834.849.991	3.877.177.033.774
2. Doanh thu thuần về bán hàng (10 = 01)	10		4.290.834.849.991	3.877.177.033.774
3. Giá vốn hàng bán	11		3.775.810.026.955	3.486.532.387.967
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng (20=10-11)	20		515.024.823.036	390.644.645.807
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	23	44.114.932.403	123.750.573.682
6. Chi phí tài chính	22	24	604.122.236.200	471.831.730.479
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		202.533.308.209	273.473.380.584
7. Chi phí bán hàng	24	25	-	241.095.175
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	26	43.722.911.362	34.590.688.588
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh 30 = 20+(21-22)-(24+25)	30		(88.705.392.123)	7.731.705.247
10. Thu nhập khác	31		965.091.628	20.840.544.270
11. Chi phí khác	32		161.308.990	25.734.646.319
12. Lợi nhuận/(lỗ) khác (40=31-32)	40		803.782.638	(4.894.102.049)
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		(87.901.609.485)	2.837.603.198
14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	27	-	-
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		(87.901.609.485)	2.837.603.198

Lê Văn Tú
Người lập biểu
Ngày 1 tháng 10 năm 2013

Nguyễn Hữu Minh
Kế toán trưởng



Hoàng Xuân Quốc
Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 9 năm 2013

MẪU B 03-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 1/1/2013 đến 30/9/2013	Từ 1/1/2012 đến 30/9/2012
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	(87.901.609.485)	2.837.603.198
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	736.990.761.331	779.689.084.000
Các khoản dự phòng	03	9.403.351.844	14.146.137.042
Lỗ/(lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	202.475.602.141	(50.140.132.843)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(44.106.905.367)	(65.807.606.146)
Chi phí lãi vay	06	202.533.308.209	273.473.380.584
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	1.019.394.508.673	954.198.465.835
Thay đổi các khoản phải thu	09	423.731.998.753	265.236.458.119
Thay đổi hàng tồn kho	10	(23.538.075.109)	(1.417.942.102)
Thay đổi các khoản phải trả	11	(660.485.362.791)	(15.621.477.537)
Thay đổi chi phí trả trước	12	162.608.705.407	188.101.449.201
Tiền lãi vay đã trả	13	(142.046.386.278)	(194.916.789.379)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	-	(2.211.473.680)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(1.513.000.000)	(2.413.361.341)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	778.152.388.655	1.190.955.329.116
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn	21	(2.891.724.420)	(64.735.040.356)
2. Tiền chi đầu tư ngắn hạn	23	(196.253.822.436)	(551.582.534.572)
3. Tiền thu hồi từ đầu tư	26	-	-
4. Thu lãi tiền gửi	27	45.573.019.830	63.081.729.249
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(153.572.527.026)	(553.235.845.679)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	286.467.044.714	-
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(896.116.829.841)	(602.583.496.168)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(609.649.785.127)	(602.583.496.168)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50	14.930.076.502	35.135.987.269
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60	51.718.618.432	28.710.621.943
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ	61	751.508	59.123
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	70	66.649.446.442	63.846.668.335

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 22 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Tiếp theo)

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 9 năm 2013

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ:

Thu lãi tiền gửi từ hoạt động đầu tư trong kỳ không bao gồm số tiền 2.128.170.940 đồng (9 tháng đầu năm 2012: 5.172.476.393 đồng) là số tiền lãi dự thu phát sinh trong kỳ mà chưa được nhận. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải thu.

Tiền lãi vay đã trả trong kỳ không bao gồm số tiền 79.241.555.146 đồng (9 tháng đầu năm 2012: 102.913.285.006 đồng) là số tiền lãi phải trả chưa thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải trả.



Lê Văn Tú
Người lập biểu
Ngày 1 tháng 10 năm 2013



Nguyễn Hữu Minh
Kế toán trưởng



Hoàng Xuân Quốc
Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT****Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4703000396 ngày 20 tháng 6 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp và giấy phép điều chỉnh gần nhất số 3600897316 ngày 12 tháng 9 năm 2012.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 9 năm 2013 là 170 người (ngày 31 tháng 12 năm 2012: 165 người)

Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Sản xuất, truyền tải và phân phối điện;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ tiếp cho vận tải đường thủy;
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hoá;
- Vận tải hàng hóa đường bộ;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan;
- Bán buôn thiết bị, vật tư, phụ tùng máy khác;
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác;
- Giáo dục nghề nghiệp;
- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải

Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là quản lý đầu tư xây dựng và vận hành các công trình điện.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH**Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 30 tháng 9.

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI**Hướng dẫn mới về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định**

Ngày 25 tháng 4 năm 2013, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 45/2013/TT-BTC (“Thông tư 45”) hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thông tư này thay thế Thông tư số 203/2009/TT-BTC (“Thông tư 203”) ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thông tư 45 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 6 năm 2013 và áp dụng cho năm tài chính 2013 trở đi. Ban Giám đốc đánh giá Thông tư 45 không có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ hoạt động 9 tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2013.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính**Ghi nhận ban đầu***Tài sản tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi không kỳ hạn, tiền gửi có kỳ hạn, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác, các khoản ký quỹ ngắn hạn, khoản phải thu dài hạn và đầu tư dài hạn khác.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, chi phí phải trả và các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho là chi phí nguyên vật liệu trực tiếp và được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính có thể phát sinh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc kỳ hoạt động.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	2013 Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 20
Máy móc thiết bị	10
Phương tiện vận tải	6 - 10
Thiết bị văn phòng	3 - 6

Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất không có thời hạn và không trích khấu hao.

Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Đầu tư dài hạn khác

Các khoản đầu tư dài hạn khác thể hiện khoản đầu tư vào các công ty khác mà Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc không có ảnh hưởng đáng kể. Các khoản đầu tư dài hạn được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá, bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến giao dịch mua các khoản đầu tư dài hạn. Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư dài hạn được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư dài hạn.

Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn được trích lập cho các khoản đầu tư chứng khoán tự do trao đổi có giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường tại ngày kết thúc kỳ hoạt động.

Các khoản trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm các khoản phí bảo hiểm cho khoản vay dài hạn từ nước ngoài, chi phí bảo trì bảo dưỡng và lãi vay thanh toán cho hợp đồng bảo trì bảo dưỡng máy móc thiết bị nhà máy điện, lỗ chênh lệch tỉ giá hối đoái phát sinh trong thời gian xây dựng Nhà máy điện chu trình hỗn hợp Nhơn Trạch 2 và các khoản chi phí trả trước dài hạn khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

Các khoản phí bảo hiểm và chi phí bảo trì, bảo dưỡng được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian của hợp đồng vay và hợp đồng bảo trì dài hạn đã ký kết.

Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh trong thời gian xây dựng Nhà máy điện chu trình hỗn hợp Nhơn Trạch 2. Các khoản lỗi này được phân bổ dần vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm với thời gian phân bổ không quá 5 năm kể từ ngày Nhà máy chính thức vận hành thương mại.

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, và các chi phí khác được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong vòng hai đến ba năm.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Ngoại tệ**Trong giai đoạn xây dựng cơ bản Nhà máy điện chu trình hỗn hợp Nhơn Trạch 2:**

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) "Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái". Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh do chuyển đổi ngoại tệ các tài khoản này, bao gồm chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại, được ghi nhận vào khoản mục "Chênh lệch tỷ giá hối đoái" trong phần "Vốn chủ sở hữu" trên bảng cân đối kế toán. Khi công trình xây dựng Nhà máy hoàn thành, toàn bộ chênh lệch tỷ giá phát sinh thực tế lũy kế đã được ghi nhận không tính vào nguyên giá của tài sản cố định mà phân bổ vào thu nhập tài chính hay chi phí tài chính và thời gian phân bổ không quá 5 năm kể từ ngày Nhà máy chính thức vận hành thương mại.

Sau khi Công ty vận hành thương mại Nhà máy điện chu trình hỗn hợp Nhơn Trạch 2:

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) "Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái", Thông tư 179/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp và Công văn số 417/DKVN-TCKT ngày 16 tháng 1 năm 2013 của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam áp dụng cho các Công ty trực thuộc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam. Tuy nhiên, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam vẫn chưa nhận được Công văn chấp thuận của Bộ Tài chính liên quan đến việc sử dụng tỷ giá nêu trên để đánh giá số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ hoạt động. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ hoạt động được chuyển đổi theo tỷ giá mua vào do Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam (Vietcombank) công bố tại ngày này thay vì tỷ giá mua vào của Ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản công bố tại thời điểm lập báo cáo tài chính. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc kỳ hoạt động không được dùng để chia cho các cổ đông.

Ban Giám đốc Công ty quyết định dùng tỷ giá mua vào do Vietcombank công bố tại ngày kết thúc kỳ hoạt động để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ hoạt động dựa vào tình hình thực tế của Công ty là có giao dịch bằng ngoại tệ với các ngân hàng thương mại trong nước và không có sự chênh lệch đáng kể nào khi so sánh tỷ giá mua vào của Vietcombank và tỷ giá mua vào của các ngân hàng thương mại trong nước tại ngày kết thúc kỳ hoạt động.

Chi phí đi vay

Các chi phí lãi vay được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ hoạt động.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ NHƠN TRẠCH 2

Áp 3, Xã Phước Khánh, Huyện Nhơn Trạch
 Tỉnh Đồng Nai, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013
 đến ngày 30 tháng 9 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

5. TIỀN

	30/9/2013 VND	31/12/2012 VND
Tiền mặt	191.967.129	127.081.791
Tiền gửi ngân hàng	66.457.479.313	51.591.536.641
	<u>66.649.446.442</u>	<u>51.718.618.432</u>

6. ĐẦU TƯ NGẮN HẠN

Đầu tư ngắn hạn thể hiện các khoản tiền gửi có kỳ hạn bằng đồng Việt Nam tại các ngân hàng và tổ chức tài chính với thời hạn dưới 3 tháng và hưởng mức lãi suất từ 6,5% đến 7%/năm. Các khoản tiền gửi có kỳ hạn này sẽ được gia hạn hàng tháng theo như yêu cầu của Công ty. Đối với hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn 3 tháng với Techcombank – Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh, theo như thỏa thuận làm tài sản đảm bảo cho khoản vay trung hạn có hạn mức 10 triệu EUR, sẽ được tự động gia hạn 3 tháng một lần đến khi hợp đồng vay nêu trên được đáo hạn. Theo đó, thời hạn thực tế của các khoản tiền gửi có kỳ hạn trên thường lớn hơn 3 tháng và Ban Giám đốc Công ty quyết định trình bày số liệu này là khoản đầu tư ngắn hạn tại ngày kết thúc kỳ hoạt động.

7. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

Phải thu khách hàng chủ yếu thể hiện khoản phải thu tiền điện của Công ty Mua bán điện (EPTC) tính đến thời điểm kết thúc kỳ hoạt động đã xuất hóa đơn theo các điều khoản của các Hợp đồng mua bán điện giữa Công ty Mua bán điện (EPTC) và Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2. Theo đó, đối với phần tiền điện đã xuất hóa đơn cho các khách hàng sẽ được ghi nhận trên tài khoản phải thu khách hàng và phần tiền điện chưa xuất hóa đơn sẽ được tạm thời ghi nhận trên tài khoản phải thu khác và được kết chuyển sang tài khoản phải thu khách hàng ngay khi hóa đơn được phát hành.

8. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC VÀ DỰ PHÒNG PHẢI THU NGẮN HẠN KHÓ ĐÒI

	30/9/2013 VND	31/12/2012 VND
Tiền bán điện cho Công ty Mua bán điện (EPTC)	838.832.164.311	1.259.562.317.180
Lãi trả chậm dự thu Công ty Mua bán điện (EPTC)	42.153.554.457	42.153.554.457
Phải thu khác từ Tổng Công ty Khí Việt Nam	-	30.412.409.888
Lãi dự thu	2.128.170.940	3.594.285.403
Khác	31.746.173	63.517.152
	<u>883.145.635.881</u>	<u>1.335.786.084.080</u>

Các khoản phải thu khác chủ yếu là khoản tiền điện phải thu Công ty Mua bán điện (EPTC) tính đến thời điểm 30 tháng 9 năm 2013 chưa xuất hóa đơn được xác định theo quy định của hợp đồng bán điện số 07/2012/HĐ-NMĐ ký ngày 06 tháng 7 năm 2012 giữa Công ty Mua Bán Điện (EPTC) và Công ty cổ phần Điện Lực Dầu Khí Nhơn Trạch 2. Khoản tiền bán điện này bao gồm doanh thu bán điện tạm tính là 762,5 tỷ đồng và thuế giá trị gia tăng là 76,3 tỷ đồng.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập theo quy định của Thông tư 228/2009/TT-BTC ban hành bởi Bộ Tài Chính vào ngày 07 tháng 12 năm 2009 trên tổng số tiền lãi chậm thanh toán phải thu từ Công ty Mua bán điện (EPTC) nhưng đã quá hạn thanh toán tính đến thời điểm 30 tháng 9 năm 2013.

9. HÀNG TỒN KHO

Giá trị hàng tồn kho tại ngày 30 tháng 9 năm 2013 thể hiện giá trị đầu DO được nhập kho phục vụ cho hoạt động sản xuất điện và các vật tư tiêu hao, vật tư dự phòng phục vụ quá trình vận hành thương mại, bảo dưỡng Nhà máy điện chu trình hỗn hợp Nhơn Trạch 2.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

10. PHẢI THU DÀI HẠN KHÁC

Số dư phải thu dài hạn khác thể hiện chi phí đền bù giải phóng mặt bằng sẽ được trừ vào tiền thuê đất phải trả Nhà nước trong tương lai theo quy định của Luật đất đai. Khoản phải thu dài hạn này được phân loại từ nguyên giá tài sản cố định hữu hình sang các khoản phải thu khác theo Quyết định số 35/QĐ-CPNT2 ngày 23 tháng 5 năm 2011 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2.

10/09/2013

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ NHƠN TRẠCH 2

Ấp 3, Xã Phước Khánh, Huyện Nhơn Trạch
Tỉnh Đồng Nai, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013
đến ngày 30 tháng 9 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU B 09-DN**II. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU GÍNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2013	2.902.604.609.924	8.332.385.291.068	28.541.874.257	6.178.471.662	11.269.710.246.911
Tăng trong kỳ	31.682.045.026	-	-	123.654.545	123.654.545
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	37.221.390.175	(46.378.941.649)	164.726.423	-	31.682.045.026
Điều chỉnh theo Quyết định số 21/QĐ - CPNT2	-	-	-	(2.168.476.618)	(8.992.825.051)
Điều chỉnh theo Thông tư 45/2013/TT-BTC	-	-	-	(117.427.200)	(2.168.476.618)
Giảm do thanh lý	-	-	-	4.016.222.389	(117.427.200)
Tại ngày 30/9/2013	<u>2.971.508.045.125</u>	<u>8.286.006.349.419</u>	<u>28.706.600.680</u>	<u>4.016.222.389</u>	<u>11.290.237.217.613</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2013	207.863.569.723	980.669.285.392	8.016.048.940	1.808.736.244	1.198.357.640.299
Tăng trong kỳ	88.521.683.270	645.125.924.759	2.661.578.769	681.574.533	736.990.761.331
Điều chỉnh theo Quyết định số 21/QĐ - CPNT2	21.181.164.914	(21.229.406.204)	-	48.241.290	-
Điều chỉnh theo Thông tư 45/2013/TT-BTC	-	-	-	(1.061.299.370)	(1.061.299.370)
Giảm do thanh lý	-	-	-	(117.427.200)	(117.427.200)
Phần loại lại	(25.609.731.132)	25.609.731.132	-	-	-
Tại ngày 30/9/2013	<u>291.956.686.775</u>	<u>1.630.175.535.079</u>	<u>10.677.627.709</u>	<u>1.359.825.497</u>	<u>1.934.169.675.060</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 30/9/2013	<u>2.679.551.358.350</u>	<u>6.655.830.814.340</u>	<u>18.028.972.971</u>	<u>2.656.396.892</u>	<u>9.356.067.542.553</u>
Tại ngày 31/12/2012	<u>2.694.741.040.201</u>	<u>7.351.716.005.676</u>	<u>20.525.825.317</u>	<u>4.369.735.418</u>	<u>10.071.352.606.612</u>

Ngày 15 tháng 5 năm 2013, Đại Hội đồng Cổ đông Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 đã thông qua Quyết định số 21/QĐ - CPNT2 về việc phê duyệt giá trị quyết toán tài sản cố định hình thành từ vốn đầu tư của dự án Nhà máy điện Chu trình hỗn hợp Nhơn Trạch 2, giá trị tài sản được phê duyệt là 11.303.611.921.829 đồng (trong đó tài sản cố định hữu hình là 11.282.009.367.283 đồng và tài sản vô hình là 21.602.554.546 đồng). Vì vậy, nguyên giá và khấu hao của tài sản cố định đã được điều chỉnh theo quyết định này kể từ ngày 15 tháng 5 năm 2013.

Theo Thông tư 45/2013/TT-BTC do Bộ tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013, nguyên giá tài sản cố định phải có giá trị từ 30.000.000 đồng trở lên. Đối với các tài sản cố định doanh nghiệp đang theo dõi, quản lý và trích khấu hao theo Thông tư số 203/2009/TT-BTC nay không đủ tiêu chuẩn về nguyên giá tài sản cố định theo quy định của Thông tư này thì giá trị còn lại của các tài sản này được phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, thời gian phân bổ không quá 3 năm kể từ ngày có hiệu lực thi hành của Thông tư này. Theo đó, giá trị còn lại của các tài sản cố định có nguyên giá dưới 30.000.000 đồng đã được điều chỉnh sang chi phí trả trước dài hạn và phân bổ trong vào chi phí vòng 3 năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất lâu dài tại khu đất thuộc Chung cư CC1.2 - Đơn vị ở số 1 - Khu dân cư Phước An - Long Thọ, Huyện Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai.

Như đã trình bày trong thuyết minh số 11, giá trị tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo Quyết định số 21/QĐ – CPNT2 vào ngày 15 tháng 5 năm 2013 của Đại Hội đồng Cổ đông Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 về việc phê duyệt giá trị quyết toán tài sản cố định hình thành từ vốn đầu tư của dự án Nhà máy điện Chu trình hỗn hợp Nhơn Trạch 2.

13. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	Từ 01/01/2013 đến 30/9/2013 VND	Từ 01/01/2012 đến 31/12/2012 VND
Số dư đầu kỳ/ năm	48.036.196.787	85.957.458.521
Tăng	6.470.390.793	67.911.818.707
Chuyển sang nguyên giá tài sản cố định	(53.284.599.572)	(101.456.983.619)
Vật tư thu hồi	(1.221.988.008)	-
Giảm khác	-	(4.376.096.822)
Số dư cuối kỳ/ năm	48.036.196.787	48.036.196.787

14. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

Tính đến 30 tháng 9 năm 2013 Công ty đã góp 11.140.000.000 đồng, tương đương với 1.114.000 cổ phiếu (mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu), chiếm 13,92% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Đầu tư Bê tông Công nghệ cao (“Sopewaco”).

Khoản dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn được trích lập theo quy định của Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 7 tháng 12 năm 2009 ban hành bởi Bộ Tài Chính, cơ sở trích lập dự phòng là báo cáo tài chính chính thức quý 2 năm 2013 của Sopewaco. Khoản lỗ lũy kế của Sopewaco đến ngày 30 tháng 06 năm 2013 là 117.720.799.495 đồng so với số vốn điều lệ của Công ty là 80.000.000.000. Do đó, Ban Giám đốc Công ty quyết định trích lập dự phòng toàn bộ cho khoản đầu tư dài hạn nêu trên tại ngày kết thúc kỳ hoạt động.

15. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	Từ 01/01/2013 đến 30/9/2013 VND	Từ 01/01/2012 đến 31/12/2012 VND
Số dư đầu kỳ/năm	1.248.482.245.061	1.479.473.770.464
Tăng trong năm	1.785.032.990	4.063.871.756
Phân bổ vào chi phí trong kỳ/năm	(192.430.243.578)	(232.052.038.474)
Giảm khác	-	(3.003.358.685)
Số dư cuối kỳ/năm	1.057.837.034.473	1.248.482.245.061
Chi tiết số dư của khoản chi phí trả trước dài hạn tại ngày kết thúc kỳ hoạt động:		
	30/9/2013	31/12/2012
	VND	VND
Phí bảo hiểm khoản vay tín dụng	518.298.472.361	565.354.905.418
Phí huy động, phí biến đổi và phí cố định hợp đồng bảo trì thiết bị	322.121.473.402	339.446.126.673
Chênh lệch tỉ giá hối đoái lũy kế	192.805.589.326	319.230.309.263
Lãi vay thanh toán cho hợp đồng bảo trì bảo dưỡng máy móc	13.636.986.781	14.370.355.163
Chi phí khác	10.974.512.603	10.080.548.544
	1.057.837.034.473	1.248.482.245.061

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ NHƠN TRẠCH 2

Áp 3, Xã Phước Khánh, Huyện Nhơn Trạch
Tỉnh Đồng Nai, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho kỳ hoạt động từ ngày 1 tháng 1 năm 2013
đến ngày 30 tháng 9 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm các chi phí:

Phí bảo hiểm khoản vay tín dụng: Theo hợp đồng vay tín dụng xuất khẩu ký ngày 22 tháng 7 năm 2010 và 23 tháng 7 năm 2010 giữa Công ty và các ngân hàng tài trợ do Citibank làm đại lý. Phí bảo hiểm khoản vay được phát hành bởi HERMES và NEXI bảo hiểm cho các bên cho vay trong toàn bộ thời hạn vay theo hợp đồng là 2,5 năm ân hạn và 9,5 năm trả nợ.

Phí huy động, phí biến đổi và phí cố định hợp đồng bảo trì thiết bị: Theo hợp đồng bảo trì thiết bị dài hạn số 68/2011/PVPOWER NT2 – PVPS giữa Công ty và Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam cho công tác bảo trì máy móc thiết bị chính cho Nhà Máy Điện Nhơn Trạch 2 trong thời hạn 11,7 năm hoặc 200.000 giờ EOH. Phí huy động, phí cố định và phí biến đổi được thanh toán trước khi Nhà Máy Điện Nhơn Trạch 2 vận hành thương mại và được phân bổ vào kết quả kinh doanh trong năm theo số giờ EOH thực tế phát sinh.

Chênh lệch tỉ giá hối đoái lũy kế phát sinh trong thời gian xây dựng Nhà máy điện chu trình hỗn hợp Nhơn Trạch 2 đến thời điểm cấp chứng chỉ PAC vào ngày 16 tháng 10 năm 2011 và được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong thời gian không quá 5 năm kể từ ngày Công ty được cấp chứng chỉ PAC theo như Công văn số 721/CT-TTH ban hành ngày 1 tháng 3 năm 2012 bởi Cục Thuế tỉnh Đồng Nai.

Lãi vay thanh toán cho hợp đồng bảo trì bảo dưỡng máy móc: Các chi phí đi vay liên quan đến công tác thanh toán hợp đồng bảo trì thiết bị dài hạn số 68/2011/PVPOWER NT2 – PVPS giữa Công ty và Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam. Chi phí đi vay phát sinh trước khi Nhà Máy Điện Nhơn Trạch 2 vận hành thương mại và không thuộc chi phí đầu tư dự án. Các khoản lãi vay này được phân bổ vào kết quả kinh doanh trong năm theo số giờ EOH thực tế phát sinh.

16. VAY NGẮN HẠN

Số dư vay ngắn hạn thể hiện nợ dài hạn đến hạn trả cho các khoản vay dài hạn tại ngày 30 tháng 9 năm 2013 như trình bày theo thuyết minh số 20.

17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	30/9/2013	31/12/2012
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Thuế giá trị gia tăng	9.148.818.386	-
Thuế thu nhập cá nhân	186.892.234	304.962.479
Thuế tài nguyên	894.053.513	1.415.965.738
	<u>10.229.764.133</u>	<u>1.720.928.217</u>

18. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	30/9/2013	31/12/2012
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Chi phí nguyên liệu	421.827.525.710	720.137.024.205
Thuế GTGT đầu ra tạm tính	76.257.469.483	114.505.665.198
Chi phí bảo trì	81.350.443.927	91.216.572.066
Lãi vay tạm trích	79.241.555.146	18.240.826.111
Chi phí khác	13.490.739.194	6.143.002.167
	<u>672.167.733.460</u>	<u>950.243.089.747</u>

Chi phí nguyên liệu là khoản công nợ phải trả cho nguyên liệu khí dùng trong quá trình vận hành Nhà máy điện chu trình hỗn hợp Nhơn Trạch 2 nhưng chưa nhận được hóa đơn từ nhà cung cấp tại ngày 30 tháng 9 năm 2013.

Thuế giá trị gia tăng đầu ra tạm trích căn cứ vào khoản doanh thu bán điện tạm tính và chưa xuất hóa đơn như đã nêu ở Thuyết minh số 7 bên trên.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

19. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢ KHÁC

	30/9/2013 VND	31/12/2012 VND
Lãi chậm thanh toán phải trả Tổng Công ty Khí Việt Nam	39.278.284.374	39.278.284.374
Khác	506.511.992	557.662.669
	<u>39.784.796.366</u>	<u>39.835.947.043</u>

20. VAY DÀI HẠN

	30/9/2013 VND	31/12/2012 VND
Vay dài hạn	8.932.137.518.508	9.336.261.881.403
Trừ: Vay dài hạn đến hạn trả	<u>(1.148.855.510.242)</u>	<u>(1.167.641.326.901)</u>
Tổng	<u>7.783.282.008.266</u>	<u>8.168.620.554.502</u>

Tại ngày 15 tháng 3 năm 2010, Công ty ký hợp đồng vay dài hạn với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ Thương Việt Nam (Techcombank), Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh với hạn mức 10.000.000 Euro với thời hạn vay là 4 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Nợ gốc của khoản vay sẽ được thanh toán định kỳ hàng quý trong vòng 10 kỳ thanh toán. Lần trả nợ gốc đầu tiên vào ngày 15 tháng 12 năm 2011. Lần trả nợ cuối cùng vào ngày 15 tháng 3 năm 2014. Khoản vay này dưới hình thức tín chấp và chịu lãi suất bằng lãi suất tiền gửi huy động 12 tháng của Techcombank Hồ Chí Minh tại thời điểm điều chỉnh cộng (+) với lãi suất biên theo quy định của hợp đồng, lãi suất này được điều chỉnh 6 tháng 1 lần. Số dư nợ gốc của khoản vay này tại ngày 30 tháng 9 năm 2013 là 1.660.297,52 Euro.

Vào ngày 22 tháng 7 năm 2010 và ngày 23 tháng 7 năm 2010 Công ty đã ký các hợp đồng vay với các ngân hàng tài trợ là HERMES, CIRR, NEXI và Citibank với Citibank là ngân hàng đầu mối với tổng hạn mức vay là 215.380.981 Đô la Mỹ và 202.585.883 Euro. Các khoản vay này được chính phủ Việt Nam bảo lãnh và được cấp bảo hiểm bởi HERMES và NEXI. Lãi suất được tính theo Euribor 6 tháng và Libor 6 tháng cộng cho các khoản lãi suất điều chỉnh. Nợ gốc và lãi vay được trả 6 tháng một lần trong đó thời gian trả nợ gốc là 9,5 năm được chia thành 19 kỳ trả nợ đều nhau với thời điểm trả nợ gốc đầu tiên là ngày 1 tháng 6 năm 2012. Tổng số dư nợ gốc của khoản vay này tại ngày 30 tháng 9 năm 2013 lần lượt là 164.283.244 Euro và 179.814.254 Đô la Mỹ.

Vào ngày ngày 20 tháng 1 năm 2011, Công ty ký hợp đồng vay dài hạn với Ngân Hàng TMCP Công Thương Việt Nam (VietinBank), Chi nhánh thành phố Hà Nội với hạn mức 200 tỷ đồng với thời hạn vay là 144 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Nợ gốc của các khoản vay sẽ được thanh toán định kỳ 6 tháng một lần, trong vòng 22 kỳ, nhưng không quá ngày 24 tháng 1 năm 2023. Lần trả nợ gốc đầu tiên của khoản vay nêu trên vào ngày 25 tháng 6 năm 2012. Đây là khoản vay tín chấp và chịu lãi suất bằng lãi suất tiền gửi huy động 12 tháng của Vietinbank tại thời điểm điều chỉnh cộng (+) với lãi suất biên theo quy định của hợp đồng và các lãi suất này được điều chỉnh 6 tháng 1 lần. Số dư nợ gốc của khoản vay này tại ngày 30 tháng 9 năm 2013 là 172.709.740.689 đồng.

Trong năm 2013, Công ty ký hợp đồng vay dài hạn với Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (VP Bank), Chi nhánh Hà Nội với hạn mức 286.467.044.714 đồng với thời hạn vay được tính từ ngày giải ngân đầu tiên đến ngày 25 tháng 12 năm 2022, trong đó thời gian giải ngân chậm nhất đến ngày 30 tháng 6 năm 2013. Nợ gốc của khoản vay sẽ được thanh toán định kỳ 6 tháng một lần, trong vòng 20 kỳ. Khoản vay này không có đảm bảo bằng tài sản và chịu lãi suất thả nổi. Số dư nợ gốc của khoản vay này tại ngày 30 tháng 9 năm 2013 là 272.143.692.478 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ NHƠN TRẠCH 2

Áp 3, Xã Phước Khánh, Huyện Nhơn Trạch
 Tỉnh Đồng Nai, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho kỳ hoạt động từ ngày 1 tháng 1 năm 2013
 đến ngày 30 tháng 9 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Tại ngày 30/9/2013 và ngày 31/12/2012	
	Số cổ phần	VND
Cổ phần được phép phát hành	256.000.000	2.560.000.000.000
Cổ phần đã phát hành và góp vốn đủ	256.000.000	2.560.000.000.000

Công ty chỉ phát hành một loại cổ phần phổ thông không được hưởng lợi tức cố định với mệnh giá là 10.000 đồng một cổ phần. Cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỉ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phần sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Tất cả các cổ phần đều có quyền thừa hưởng như nhau đối với tài sản thuần của Công ty.

Chi tiết các cổ đông theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp tại ngày kết thúc kỳ hoạt động như sau:

	Vốn đã góp tại ngày 30/9/2013 và ngày 31/12/2012	
	VND	%
Tổng công ty Điện lực Dầu Khí Việt Nam	1.607.661.500.000	62,80%
Tập đoàn Bưu Chính Viễn Thông Việt Nam	128.000.000.000	5,00%
Tổng Công ty Điện lực - Vinacomin	128.000.000.000	5,00%
Công ty Electric Power Development (J-Power - Nhật Bản)	128.000.000.000	5,00%
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam	64.000.000.000	2,50%
Tập đoàn Điện Lực Việt Nam	64.000.000.000	2,50%
Các cổ đông khác	440.338.500.000	17,20%
	2.560.000.000.000	100%

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC ĐÀU KHÍ NHƠN TRẠCH 2

Áp 3, Xã Phước Khánh, Huyện Nhơn Trạch
Tỉnh Đồng Nai, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính
Cho kỳ hoạt động từ ngày 1 tháng 1 năm 2013
đến ngày 30 tháng 9 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU B 09-DN**21. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)**

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu trong kỳ như sau:

	Vốn điều lệ VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 01/01/2012	2.560.000.000.000	163.455.502.290	19.512.572.631	34.267.331.142	2.777.235.406.063
Phân phối từ lợi nhuận	-	-	543.197.367	(3.010.428.067)	(2.467.230.700)
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	7.682.238.140	7.682.238.140
Số dư tại ngày 31/12/2012	2.560.000.000.000	163.455.502.290	20.055.769.998	38.939.141.215	2.782.450.413.503
Phân phối từ lợi nhuận	-	5.781.878.846	384.111.907	(9.159.964.444)	(2.993.973.691)
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	(87.901.609.485)	(87.901.609.485)
Số dư tại ngày 30/9/2013	2.560.000.000.000	169.237.381.136	20.439.881.905	(58.122.432.714)	2.691.554.830.327

Trong kỳ, Công ty đã trích lập Quỹ đầu tư phát triển với số tiền là 384.111.907 đồng (năm 2012: 543.197.367 đồng), Quỹ khen thưởng phúc lợi với số tiền là 2.993.973.691 đồng (Năm 2012: 2.467.230.700 đồng) và bổ sung nguồn vốn khác của chủ sở hữu với số tiền là 5.781.878.846 đồng (Năm 2012: không đồng) theo Nghị quyết số 04/NQ-CPNT2 của Đại Hội đồng Cổ đông thường niên năm 2013 ngày 10 tháng 5 năm 2013.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC ĐÀU KHÍ NHƠN TRẠCH 2

Áp 3, Xã Phước Khánh, Huyện Nhơn Trạch
Tỉnh Đồng Nai, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013
đến ngày 30 tháng 9 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

22. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Từ 01/01/2013 đến 30/9/2013 VND	Từ 01/01/2012 đến 30/09/2012 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.691.060.200.817	2.356.044.859.660
Chi phí nhân công	40.832.521.339	35.377.037.602
Chi phí khấu hao tài sản cố định	736.990.761.331	779.689.084.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	331.746.145.054	333.747.506.192
Chi phí khác	18.903.309.776	16.505.684.276
	<u>3.819.532.938.317</u>	<u>3.521.364.171.730</u>

23. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2013 đến 30/9/2013 VND	Từ 01/01/2012 đến 30/9/2012 VND
Lãi tiền gửi	44.106.905.367	65.807.606.146
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	8.027.036	7.802.834.693
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	50.140.132.843
Tổng cộng	<u>44.114.932.403</u>	<u>123.750.573.682</u>

24. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2013 đến 30/9/2013 VND	Từ 01/01/2012 đến 30/9/2012 VND
Lãi tiền vay	202.533.308.209	273.473.380.584
Phân bổ lỗ chênh lệch tỷ giá trong quá trình xây dựng cơ bản	126.424.719.937	117.441.932.598
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	202.475.602.141	-
Phí bảo hiểm khoản vay	47.056.433.057	45.294.962.310
Phí bảo lãnh chính phủ cho khoản vay	17.360.375.728	19.695.553.466
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	-	7.921.840.850
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	4.296.749.303	953.567.293
Khác	3.975.047.825	7.050.493.378
Tổng cộng	<u>604.122.236.200</u>	<u>471.831.730.479</u>

Chi phí tài chính tăng đột biến chủ yếu là do lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái đánh giá lại khoản vay dài hạn có gốc ngoại tệ theo tỷ giá tại ngày 30 tháng 9 năm 2013. Cụ thể tỷ giá EUR của ngân hàng Vietcombank - Hội sở chính tại ngày 30 tháng 09 năm 2013 (28.303,6 vnd/eur) tăng 932,65 vnd/eur so với tỷ giá tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 (27.370,95 vnd/eur), tỷ giá USD của ngân hàng Vietcombank - Hội sở chính tại ngày 30 tháng 09 năm 2013 (21.080 vnd/usd) tăng 265 vnd/usd so với tỷ giá tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 (20.815 vnd/usd) làm cho khoản lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại khoản vay dài hạn có gốc ngoại tệ tại ngày 30 tháng 09 năm 2013 tăng đột biến lên 202,4 tỷ đồng. Nếu tính riêng trong quý 3 năm 2013 thì tỷ giá eur tại ngày 30 tháng 09 năm 2013 tăng 913,3vnd/eur so với tỷ giá tại ngày 30 tháng 06 năm 2013 và khoản lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại khoản vay dài hạn có gốc ngoại tệ của quý 3 năm 2013 là 142,6 tỷ đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ NHƠN TRẠCH 2

Áp 3, Xã Phước Khánh, Huyện Nhơn Trạch
Tỉnh Đồng Nai, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013
đến ngày 30 tháng 9 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

25. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Từ 1/1/2013 đến 30/9/2013 VNĐ	Từ 1/1/2012 đến 30/9/2012 VNĐ
Chi phí bán hàng	-	241.095.175
Tổng cộng	-	241.095.175

26. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Từ 1/1/2013 đến 30/9/2013 VNĐ	Từ 1/1/2012 đến 30/9/2012 VNĐ
Lương nhân viên quản lý	14.642.683.318	13.856.231.961
BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ quản lý	649.096.865	632.453.654
Chi phí vật liệu văn phòng	1.419.383.690	1.386.397.460
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	481.045.169	639.562.129
Chi phí khấu hao TSCĐ quản lý	6.015.258.384	1.647.729.183
Thuế và lệ phí	675.772.542	566.280.991
Chi phí sửa chữa thường xuyên quản lý	335.993.375	244.862.551
Dịch vụ mua ngoài	7.061.367.891	6.355.502.852
Các khoản dự phòng	9.403.351.844	6.224.296.192
Chi phí quản lý khác	3.038.958.284	3.037.371.615
Tổng cộng	43.722.911.362	34.590.688.588

Chi phí quản lý doanh nghiệp 9 tháng đầu năm 2013 tăng so với cùng kỳ năm ngoái chủ yếu là do từ tháng 09 năm 2012 Khu nhà quản lý vận hành của Công ty chính thức đi vào sử dụng và trích khấu hao theo quy định; các tài sản cố định doanh nghiệp đang theo dõi, quản lý và trích khấu hao theo Thông tư số 203/2009/TT-BTC nay không đủ tiêu chuẩn về nguyên giá tài sản cố định theo quy định của Thông tư 45/2013/TT-BTC thì giá trị còn lại của các tài sản này được phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, thời gian phân bổ không quá 3 năm kể từ ngày có hiệu lực thi hành của Thông tư này. Đây là nguyên nhân chính làm cho chi phí khấu hao tài sản cố định quản lý tăng 4,4 tỷ đồng so với cùng kỳ năm ngoái. Ngoài ra khoản trích lập dự phòng lãi chậm thanh toán tiền điện của Công ty mua bán điện (EPTC) tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2012 cũng tăng 3,2 tỷ đồng so với cùng kỳ năm ngoái.

27. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Từ 01/01/2013 đến 30/9/2013			Từ 01/01/2012 đến 30/9/2012
	Hoạt động chính VNĐ	Hoạt động Khác VNĐ	Tổng VNĐ	Tổng VNĐ
Lợi nhuận trước thuế	37.719.327.814	(125.620.937.299)	(87.901.609.485)	2.837.603.198
Cộng: Các chi phí không được khấu trừ	117.000.000	-	117.000.000	263.966.748
Trừ: Các khoản thu nhập không chịu thuế	(731.747)	-	(731.747)	-
Thu nhập chịu thuế	37.835.596.067	(125.620.937.299)	(87.785.341.232)	3.101.569.946
Khấu trừ lỗ từ hoạt động khác	(125.620.937.299)	125.620.937.299	-	-
Thu nhập chịu thuế	(87.785.341.232)	-	(87.785.341.232)	3.101.569.946
Thuế suất	0%	25%	-	0%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	-	-
Chi phí thuế hiện hành	-	-	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Công ty có nghĩa vụ phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 10% tính trên thu nhập chịu thuế từ hoạt động sản xuất và kinh doanh điện năng trong 15 năm kể từ năm đầu tiên có doanh thu và 25% cho những năm tiếp theo.

Công ty được miễn thuế 4 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế đối với hoạt động sản xuất kinh doanh điện năng và giảm 50% số thuế phải nộp cho 9 năm tiếp theo. Đây là năm thứ ba Công ty có thu nhập chịu thuế từ hoạt động sản xuất kinh doanh điện năng và là năm thứ ba được miễn thuế (năm đầu tiên là năm 2011).

Công ty có nghĩa vụ phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 25% tính trên thu nhập từ các hoạt động khác theo Thông tư số 123/2012/TT-BTC ngày 27 tháng 7 năm 2012 do Bộ Tài chính ban hành.

Công ty không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả vì không có chênh lệch tạm thời đáng kể giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục này.

28. CAM KẾT BÁN HÀNG

Công ty đã ký kết với Công ty Mua bán điện (EPTC) hợp đồng bán điện số 07/2012/HĐ-NMD vào ngày 6 tháng 7 năm 2012. Theo đó, toàn bộ sản lượng điện sản xuất theo lệnh điều động của Cục Điều tiết Điện lực sẽ được bao tiêu bởi Công ty Mua bán điện (EPTC) trong thời hạn là 10 năm kể từ ngày Nhà máy điện Nhơn Trạch chính thức vận hành thương mại vào ngày 16 tháng 10 năm 2011.



Lê Văn Tú
Người lập biểu
Ngày 11 tháng 10 năm 2013



Nguyễn Hữu Minh
Kế toán trưởng



Hoàng Xuân Quốc
Giám đốc

CÔNG TY AN HƯNG CHỈ ĐƯỢC

BẢNG KIỂM KÊ QUỸ TIỀN MẶT
(Dùng cho VNĐ)

Hôm nay, 0h 00" ngày 01 tháng 10 năm 2013.

Chúng tôi gồm:

Số: 09

Ông: Hoàng Xuân Quốc	Chức vụ	Giám đốc
Ông: Nguyễn Hữu Minh	Chức vụ	Kế toán trưởng
Bà : Phan Thị Quỳnh	Chức vụ	Thủ quỹ
Ông: Võ Minh Toàn	Chức vụ	Kế toán thanh toán

Cùng tiến hành kiểm kê quỹ tiền mặt đến hết ngày 30 tháng 09 năm 2013 kết quả như sau:

Stt	Diễn giải	Số lượng (tờ)	Số tiền	
A	B	1	2	
I	Số dư theo sổ quỹ:		191,967,129	
II	Số kiểm kê thực tế:		191,967,500	
	<i>Trong đó:</i>			
1	- Loại	500,000	130	65,000,000
2	- Loại	200,000	390	78,000,000
3	- Loại	100,000	427	42,700,000
4	- Loại	50,000	90	4,500,000
5	- Loại	20,000	30	600,000
6	- Loại	10,000	102	1,020,000
7	- Loại	5,000	23	115,000
8	- Loại	2,000	15	30,000
9	- Loại	1,000	2	2,000
10	- Loại	500	1	500
11	- Loại	200		-
III	Chênh lệch			371

- Lý do: + Thừa: 371 (đồng) Do mệnh giá tiền nhỏ nhất khi kiểm kê là 500 (đồng).

+ Thiếu: 0 (đồng)

Kết luận sau khi kiểm kê quỹ: Khớp so với sổ sách.

Giám đốc

(ký, họ tên)



Hoàng Xuân Quốc

Kế toán trưởng

(ký, họ tên)



Nguyễn Hữu Minh

Thủ quỹ

(ký, họ tên)



Phan Thị Quỳnh

Người chịu trách
nhiệm kiểm kê quỹ

(ký, họ tên)



Võ Minh Toàn

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHĨA VỤ VỚI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Từ 01/01/2013 đến 30/09/2013

Chỉ tiêu	Phải nộp tại đầu năm	Lũy kế từ đầu năm tới cuối kỳ này		Phải nộp tại cuối kỳ
		Số phát sinh phải nộp	Số đã nộp	
C1	C2	C3	C4	C5=2+3-4
Thuế	1,720,928,217	138,328,423,112	129,819,587,195	10,229,764,134
Thuế GTGT hàng bán nội địa		122,742,361,336	113,593,542,949	9,148,818,387
Thuế GTGT hàng nhập khẩu				0
Thuế tiêu thụ đặc biệt				0
Thuế xuất, nhập khẩu				0
Thuế thu nhập doanh nghiệp				0
Thu trên vốn				0
Thuế thu nhập cá nhân	304,962,479	3,397,017,729	3,515,087,974	186,892,234
Thuế tài nguyên	1,415,965,738	9,466,608,456	9,988,520,681	894,053,513
Thuế nhà đất				0
Thuế môn bài		4,000,000	4,000,000	0
Các loại thuế khác		2,718,435,591	2,718,435,591	0
Các khoản phải nộp khác		0	0	0
Các khoản phụ thu		0	0	0
Các khoản phí, lệ phí		0	0	0
Thu điều tiết		0	0	0
Các khoản nộp phạt		0	0	0
Các khoản khác		0	0	0
Tổng cộng	1,720,928,217	138,328,423,112	129,819,587,195	10,229,764,134

Lưu ý:

- Biểu này không bao gồm chỉ tiêu 152 - Thuế GTGT được khấu trừ trên bảng cân đối kế toán;
- Về hình thức trên biểu thì $C5=C2+C3-C4$ nhưng không nên lập như vậy vì rất khó khăn khi phải khử các bút toán bù trừ;
- Vì bản chất biểu này chỉ bao gồm số NET nên kế toán lập biểu này như sau:
 - + C2 và C5 xác định được ngay vì chính là số dư của TK 333 tại đầu năm và cuối kỳ;
 - + C4 là tổng số tiền trên tất cả các giấy nộp tiền vào NSNN từ đầu năm đến cuối kỳ không phân biệt nộp thuế cho năm nào. Nói cách khác C4 chính là số đối ứng Nợ TK 333 Có TK 111, 112 từ đầu năm đến cuối kỳ;
 - + Xác định $C3=C5+C4-C2$.

Đồng Nai, ngày 11 tháng 10 năm 2013

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ



Võ Minh Toàn



Nguyễn Hữu Minh



Hoàng Xuân Quốc